

PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ HAI CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

NGUYỄN TIẾN SỸ*

Abstract: This study examines the challenges faced by second-year students of English as a Foreign Language (EFL) at the Faculty of Foreign Languages, Hai Phong University, in developing English speaking skills. Adopting a descriptive qualitative - quantitative approach, the study employed questionnaires, semi-structured interviews, and classroom observations to collect data from 47 students during speaking lessons. The findings indicate that students experience both linguistic difficulties (limited vocabulary, insufficient grammatical knowledge, and inaccurate pronunciation) and non-linguistic difficulties (low confidence, fear of making mistakes, anxiety, and limited classroom participation). Among these factors, psychological factors emerged as the most influential and formed a cyclical relationship with linguistic deficiencies. Based on the findings, the study proposes pedagogical implications for speaking instruction in EFL contexts, emphasizing affective supports, communicative classroom practices, and learner autonomy. The study contributes to the growing body of research on EFL speaking anxiety and offers context-specific insights for tertiary-level language education.

Keywords: *EFL speaking skills, speaking difficulties, affective factors, first-year university students, pedagogical implications.*

1. Giới thiệu

Ở Việt Nam nói chung và ở Hải Phòng nói riêng, nhiều người học mặc dù đã có nhiều năm học tiếng Anh nhưng vẫn gặp khó khăn khi giao tiếp. Đối với việc học tiếng Anh tại Việt Nam, cơ hội tiếp xúc với môi trường giao tiếp bằng tiếng Anh ngoài lớp học còn khá hạn chế. Điều này khiến sinh viên ít có điều kiện thực hành ngôn ngữ trong những tình huống giao tiếp thực tế.

Thực tiễn giảng dạy tại trường cho thấy khả năng nói của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm cả năng lực ngôn ngữ và các yếu tố tâm lý như sự lo lắng, thiếu tự tin hoặc sợ bị đánh giá tiêu cực. Những nghiên cứu tập trung vào sinh viên đại học trong các cơ sở giáo dục địa phương tại Việt Nam vẫn còn tương đối hạn chế. Xuất phát từ thực tế đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát những khó khăn mà sinh viên năm thứ hai tại Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hải Phòng gặp phải khi học kĩ năng nói tiếng Anh, đồng thời phân tích các nguyên nhân liên quan và đề xuất một số giải pháp mang tính thực tiễn.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Kĩ năng nói tiếng Anh là một trong những kĩ năng quan trọng nhưng cũng khó nhất đối với người học ngoại ngữ. Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã chỉ ra rằng sinh viên thường gặp khó khăn trong giao tiếp tiếng Anh do thiếu tự tin, hạn chế về từ vựng, phát âm, phản xạ ngôn ngữ và môi trường thực hành.

Theo Stephen Krashen (1982), các yếu tố tâm lý như lo lắng và sợ mắc lỗi có ảnh hưởng lớn đến khả năng sử dụng ngôn ngữ của người học. Brown (2001) cũng cho rằng việc phát triển kĩ năng nói đòi hỏi sự kết hợp giữa kiến thức ngôn ngữ và khả năng giao tiếp thực tiễn.

Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu cho thấy sinh viên chuyên ngữ vẫn gặp khó khăn trong giao tiếp dù có nền tảng ngữ pháp tương đối tốt. Kết quả nghiên cứu của Tran và Dang (2019) cho thấy sinh viên chuyên ngành tiếng Anh vẫn gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình giao tiếp, bao gồm các yếu tố cảm xúc, xã hội, ngôn ngữ và giảng dạy. Tương tự, Le và Phan (2023) nhận định rằng việc thiếu môi trường giao tiếp xác thực và cơ hội thực hành thường xuyên là những rào cản đáng kể đối với quá trình phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh của sinh viên Việt Nam. Những phát hiện này cho thấy việc sở hữu kiến thức ngôn ngữ chưa đủ để đảm bảo khả năng giao tiếp hiệu quả nếu người học

* Trường Đại học Hải Phòng; Email: synt@dhph.edu.vn

không được tham gia thường xuyên vào các hoạt động sử dụng ngôn ngữ mang tính tương tác và thực tiễn. Nguyên nhân chủ yếu đến từ phương pháp học còn nặng lý thuyết, ít cơ hội thực hành và môi trường sử dụng tiếng Anh còn hạn chế.

Tuy nhiên, các nghiên cứu chuyên sâu về những thách thức trong phát triển kỹ năng nói của sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Hải Phòng vẫn còn hạn chế. Vì vậy, bài viết này được thực hiện nhằm bổ sung cơ sở thực tiễn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả dạy và học kỹ năng nói tiếng Anh.

3. Cơ sở lý thuyết

3.1. Khái niệm kỹ năng nói tiếng Anh

Kỹ năng nói là khả năng sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng, cảm xúc và thông tin thông qua hình thức giao tiếp bằng lời nói. Theo H. Douglas Brown (2004), nói là một quá trình tương tác giúp người học truyền tải và tiếp nhận thông tin trong những tình huống giao tiếp cụ thể.

Trong dạy học ngoại ngữ, kỹ năng nói không chỉ qua việc phát âm đúng mà còn liên quan đến độ lưu loát, khả năng sử dụng từ vựng, ngữ pháp, phản xạ giao tiếp và sự phù hợp về mặt ngữ cảnh.

3.2. Lý thuyết dạy học giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT)

Lý thuyết dạy học giao tiếp nhấn mạnh việc sử dụng ngôn ngữ như một công cụ giao tiếp thay vì chỉ tập trung vào học ngữ pháp. Theo phương pháp này, sinh viên được khuyến khích tham gia vào các hoạt động tương tác như thảo luận nhóm, đóng vai, thuyết trình và hội thoại thực tế.

CLT giúp người học tăng cường khả năng phản xạ ngôn ngữ, nâng cao sự tự tin và phát triển năng lực giao tiếp trong môi trường thực tiễn. Đây được xem là một trong những phương pháp phù hợp để cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ hiện nay.

3.3. Giả thuyết bộ lọc cảm xúc (Affective Filter Hypothesis)

Theo Stephen Krashen (1982), các yếu tố tâm lý như lo lắng, thiếu động lực hoặc sợ mắc lỗi có thể tạo ra “bộ lọc cảm xúc”, làm cản trở quá trình tiếp nhận và sử dụng ngôn ngữ.

Đối với sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh, áp lực về phát âm, khả năng phản xạ và sự đánh giá từ giảng viên hoặc bạn học có thể ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh. Vì vậy, việc xây dựng môi trường học tập tích cực và thân thiện có vai trò quan trọng trong việc phát triển kỹ năng nói.

3.4. Thuyết tương tác trong học tập ngôn ngữ (Interaction Theory)

Thuyết tương tác cho rằng ngôn ngữ được phát triển hiệu quả thông qua quá trình giao tiếp và tương tác xã hội. Người học có cơ hội cải thiện khả năng nói khi thường xuyên tham gia vào các hoạt động trao đổi thông tin và phản hồi ngôn ngữ.

Trong môi trường lớp học ngoại ngữ, sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên, cũng như giữa sinh viên với nhau, giúp người học nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế. Điều này cho thấy việc tổ chức các hoạt động giao tiếp trong lớp học là cần thiết để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh.

3.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển kỹ năng nói tiếng Anh

Dựa trên các nghiên cứu trước đây cho sinh viên chuyên tiếng Anh tại Việt Nam (Le & Phan, 2023, 2025; Tran & Dang, 2019), phần lớn được thực hiện tại các trường đại học lớn ở miền Nam. Hiện vẫn còn thiếu các nghiên cứu tập trung vào sinh viên năm thứ hai chuyên ngành Tiếng Anh tại Trường Đại học Hải Phòng. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ những thách thức ảnh hưởng đến sự phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên cho thấy việc phát triển kỹ năng nói chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm:

- Yếu tố tâm lý: thiếu tự tin, lo lắng, sợ mắc lỗi.
- Yếu tố ngôn ngữ: hạn chế về từ vựng, ngữ pháp và phát âm.
- Phương pháp giảng dạy: thiếu hoạt động giao tiếp thực tiễn.
- Môi trường học tập: ít cơ hội sử dụng tiếng Anh ngoài lớp học.

- Động lực học tập và khả năng tự học của sinh viên.

Những cơ sở lí thuyết trên là nền tảng quan trọng để nghiên cứu và phân tích những thách thức trong việc phát triển kĩ năng nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Hải Phòng.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả nhằm phản ánh thực trạng học tập và những khó khăn mà sinh viên gặp phải khi học kĩ năng nói tiếng Anh. Phương pháp nghiên cứu kết hợp cả dữ liệu định lượng và dữ liệu định tính để đảm bảo tính toàn diện của kết quả nghiên cứu.

4.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu gồm 47 sinh viên năm thứ hai đang theo học tại Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Hải Phòng. Tất cả sinh viên đều đã học tiếng Anh ít nhất 05 năm trước khi vào đại học. Ngoài ra, một số giảng viên giảng dạy kĩ năng nói cũng được phỏng vấn nhằm bổ sung thông tin cho quá trình phân tích dữ liệu.

4.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng ba công cụ chính để thu thập dữ liệu:

- *Bảng hỏi khảo sát*: được sử dụng để thu thập thông tin về thái độ học tập, mức độ luyện tập kĩ năng nói và những khó khăn mà sinh viên gặp phải.

- *Phỏng vấn*: nhằm tìm hiểu sâu hơn về trải nghiệm học tập của sinh viên cũng như quan điểm của giảng viên.

- *Quan sát lớp học*: được sử dụng để ghi nhận mức độ tham gia nói của sinh viên và cách thức tổ chức hoạt động nói trong lớp.

4.4. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng từ bảng hỏi được xử lí bằng các phương pháp thống kê mô tả, chủ yếu dựa trên tỉ lệ phần trăm. Trong khi đó, dữ liệu định tính từ phỏng vấn và quan sát được phân tích theo chủ đề nhằm xác định những xu hướng và mô hình lặp lại trong các khó khăn mà sinh viên gặp phải.

5. Kết quả nghiên cứu

5.1. Hoàn cảnh và thái độ của sinh viên đối với kĩ năng nói tiếng Anh

Kết quả khảo sát cho thấy tất cả người tham gia (100%) đã học tiếng Anh hơn 05 năm trước khi vào đại học. Thời gian tiếp xúc tương đối dài với tiếng Anh cho thấy sinh viên đã có kiến thức nền tảng cơ bản về ngôn ngữ này. Ngoài ra, phần lớn (93%) thừa nhận tầm quan trọng và sự cần thiết của việc học kĩ năng nói tiếng Anh cho cả mục đích học tập và việc làm trong tương lai. Nhiều sinh viên cho biết họ coi nói là một thành phần không thể thiếu trong việc học ngôn ngữ và bày tỏ thái độ tích cực đối với việc cải thiện khả năng giao tiếp bằng miệng của mình.

Mặc dù có nhận thức này, nhưng kết quả khảo sát vẫn cho thấy sự khác biệt rõ ràng giữa nhận thức tích cực của sinh viên và thực hành nói thực tế của họ. Chỉ 17% số người được hỏi cho biết họ thường xuyên nói tiếng Anh trong các lớp học nói, trong khi gần một phần tư thừa nhận rằng họ hiếm khi tham gia vào các hoạt động nói. Khoảng cách này cho thấy chỉ riêng thái độ tích cực là không đủ để đảm bảo sự tham gia tích cực vào các nhiệm vụ của kĩ năng nói.

5.2. Hoạt động luyện nói trong và ngoài lớp học

Về thực hành nói tiếng Anh trên lớp, đa số sinh viên cho biết họ tham gia rất hạn chế. Một số sinh viên giải thích trong các cuộc phỏng vấn rằng họ thường im lặng vì sợ mắc lỗi ngữ pháp hoặc phát âm trước mặt bạn bè. Những sinh viên khác đề cập rằng các em không quen nói tiếng Anh trên lớp do kinh nghiệm học tập trước đây tập trung vào ngữ pháp và các bài kiểm tra viết hơn là giao tiếp bằng miệng.

Ngoài lớp học, tình hình thậm chí còn đáng lo ngại hơn. Khoảng 89% sinh viên cho biết họ hiếm khi luyện nói tiếng Anh ngoài giờ học. Việc thiếu môi trường nói tiếng Anh, tương tác hạn chế với

người nước ngoài và thiếu bạn luyện nói được coi là những trở ngại chính. Do đó, sinh viên có ít cơ hội để xác định điểm yếu của mình trong việc sử dụng từ vựng, độ chính xác ngữ pháp, phát âm và cấu trúc câu, điều này càng cản trở sự phát triển kỹ năng nói của họ.

5.3. Khó khăn về ngôn ngữ

Phân tích dữ liệu từ bảng câu hỏi và phỏng vấn cho thấy ba khó khăn chính: Thứ nhất, vốn từ vựng hạn chế được xác định là vấn đề nổi bật nhất. Nhiều sinh viên cho biết họ thường biết mình muốn nói gì bằng tiếng Việt nhưng không thể tìm được từ tiếng Anh phù hợp để diễn đạt ý tưởng. Hạn chế về từ vựng này dẫn đến việc thường xuyên bị ngắt quãng, ngập ngừng và gián đoạn trong giao tiếp. Thứ hai, kiến thức ngữ pháp không đầy đủ là một thách thức đáng kể. Sinh viên bày tỏ sự không chắc chắn về cấu trúc câu, thì động từ và trật tự từ, dẫn đến nỗi sợ tạo ra những câu sai. Kết quả là, họ có xu hướng tránh nói hoặc chỉ dựa nhiều vào các cấu trúc câu đơn giản. Thứ ba, phát âm không chính xác là một khó khăn đáng chú ý khác. Nhiều sinh viên cho biết họ thiếu tự tin về phát âm vì họ chưa được hướng dẫn phát âm bài bản từ các giáo viên có trình độ trong suốt quá trình học trung học. Vấn đề này thường gây ra hiểu lầm và làm giảm thêm sự nhiệt tình của sinh viên.

5.4. Khó khăn phi ngôn ngữ

Bên cạnh các vấn đề về ngôn ngữ, sinh viên còn gặp phải nhiều khó khăn phi ngôn ngữ khác được cho là ảnh hưởng mạnh mẽ đến khả năng nói của họ. Vấn đề thứ nhất là sự thiếu tự tin. Sinh viên cảm thấy không an toàn về khả năng nói của mình và sợ bị giảng viên và bạn bè đánh giá tiêu cực.

Nỗi sợ mắc lỗi nổi lên như một rào cản tâm lý chính. Nhiều sinh viên tin rằng việc mắc lỗi sẽ dẫn đến sự xấu hổ hoặc chế giễu, điều này khiến họ không muốn tham gia vào các hoạt động nói. Lo lắng và hồi hộp khi nói cũng phổ biến, đặc biệt khi sinh viên được yêu cầu nói một cách đột ngột hoặc trả lời nhanh.

Hơn nữa, sinh viên còn gặp khó khăn trong việc sắp xếp và diễn đạt ý tưởng bằng lời nói. Ngay cả khi họ có những ý tưởng liên quan, họ vẫn gặp khó khăn trong việc cấu trúc chúng một cách mạch lạc bằng tiếng Anh. Khó khăn này có liên quan chặt chẽ đến vốn từ vựng hạn chế và sự thiếu thực hành nói ngay từ khi đặt chân đến trường.

5.5. Những nguyên nhân và mối liên hệ giữa các khó khăn khi luyện nói

Kết quả nghiên cứu cho thấy các khó khăn về ngôn ngữ và phi ngôn ngữ có mối liên hệ chặt chẽ và thường tạo thành một vòng luẩn quẩn. Ví dụ, vốn từ vựng và kiến thức ngữ pháp hạn chế góp phần gây ra nỗi sợ mắc lỗi, từ đó làm giảm sự tự tin và ý muốn nói của sinh viên. Việc thiếu thực hành nói sau đó lại ngăn cản học sinh cải thiện năng lực ngôn ngữ.

Ngoài ra, sự lo lắng và hồi hộp được cho là nguyên nhân dẫn đến sự thiếu tự tin. Sinh viên thiếu tự tin có xu hướng cảm thấy lo lắng và làm suy giảm khả năng nhớ lại từ vựng và ngữ pháp trong khi nói. Những phát hiện này cho thấy các yếu tố tâm lý đóng vai trò then chốt trong việc định hình khả năng nói của sinh viên và cần được giải quyết cùng với việc giảng dạy.

Như vậy, kết quả của nghiên cứu này cũng củng cố các nghiên cứu trước đây, cho thấy khó khăn trong việc nói ở người học tiếng Anh như một ngoại ngữ (EFL) là đa chiều, liên quan đến cả năng lực ngôn ngữ và mặt cảm xúc. Mặc dù sinh viên đã sử dụng nhiều chiến lược tự học khác nhau, như ghi nhớ từ vựng, nghe các phương tiện truyền thông bằng tiếng Anh và luyện tập với bạn bè, nhưng những chiến lược này phần lớn không có hệ thống và không đủ để tạo ra sự cải thiện đáng kể.

Khi được xem xét các đặc điểm của người học ngoại ngữ thành công do Rubin và Thompson (1982) đề xuất, những người tham gia cho thấy nhận thức còn hạn chế, chỉ sử dụng một tập hợp nhỏ các chiến lược học tập hiệu quả. Sự thiếu đa dạng về chiến lược này có thể giải thích một phần sự tiến bộ qua hạn chế của sinh viên trong khả năng nói.

Quan trọng hơn, nghiên cứu này nhấn mạnh mối quan hệ tuần hoàn giữa lo lắng khi nói và những thiếu sót về ngôn ngữ, củng cố nhu cầu về các biện pháp can thiệp sư phạm nhằm giải quyết đồng thời cả hai hạn chế này.

6. Ý nghĩa thực tiễn đối với các công tác giảng dạy

6.1 Đối với giảng viên

Giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc luyện nói của sinh viên và giảm bớt các rào cản tâm lí. Trước hết, việc giảng dạy kĩ năng nói nên áp dụng định hướng giao tiếp và lấy người học làm trung tâm, trong đó trọng tâm chính là việc tạo ra ý nghĩa hơn là độ chính xác về ngôn ngữ. Mặc dù độ chính xác về ngôn ngữ rất quan trọng, nhưng việc sửa lỗi quá nhiều trong các hoạt động nói có thể làm tăng sự lo lắng của sinh viên và làm giảm sự tham gia.

Về việc giảng dạy từ vựng, giảng viên nên tích hợp việc học từ vựng vào các bài tập nói và nhấn mạnh việc sử dụng trong ngữ cảnh. Thay vì dạy các danh sách từ riêng lẻ, giảng viên có thể thiết kế các hoạt động khuyến khích sinh viên sử dụng từ vựng mới trong các tương tác có ý nghĩa. Việc rèn luyện chiến lược, chẳng hạn như đoán nghĩa từ từ ngữ cảnh và sử dụng các kĩ thuật diễn đạt lại, cũng nên được kết hợp.

Về việc giảng dạy ngữ pháp, giảng viên nên khuyến khích sinh viên phát triển nhận thức ngữ pháp thông qua tự học và thực hành có hướng dẫn ngoài giờ học. Trong các hoạt động nói, phản hồi sửa lỗi chậm trễ có thể được sử dụng để giải quyết các lỗi thường xuyên xảy ra sau khi sinh viên đã hoàn thành bài tập nói của mình. Cách tiếp cận này cho phép sinh viên giao tiếp tự do hơn mà không sợ bị gián đoạn.

Việc giảng dạy phát âm nên được thực hiện một cách có hệ thống và liên tục. Giảng viên được khuyến khích thường xuyên làm mẫu cách phát âm chính xác và tạo cơ hội cho sinh viên thực hành thông qua việc lặp lại, tự ghi âm và phản hồi từ bạn bè. Các công cụ hỗ trợ công nghệ, chẳng hạn như ứng dụng phát âm và tài nguyên trực tuyến, cũng có thể được tích hợp vào các khoá học nói.

Việc giải quyết các yếu tố phi ngôn ngữ cũng quan trọng không kém. Giảng viên nên tạo ra một bầu không khí lớp học hỗ trợ, đặc trưng bởi sự tin tưởng, tôn trọng và khuyến khích. Khen ngợi nỗ lực và tiến bộ của sinh viên, thay vì tập trung vào lỗi sai, có thể nâng cao đáng kể sự tự tin của người học. Nên thường xuyên sử dụng hoạt động nhóm và làm việc theo cặp để giảm áp lực khi nói trước toàn lớp.

Để phù hợp với các nguyên tắc về cảm xúc của Brown (2001), giảng viên nên thể hiện sự kiên nhẫn và thấu cảm, lựa chọn các chủ đề phù hợp và hấp dẫn và xem xét trạng thái cảm xúc của sinh viên. Các chương trình phát triển chuyên môn tập trung vào phương pháp giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp và các chiến lược về cảm xúc cũng được khuyến nghị cho các giảng viên dạy kĩ năng nói.

6.2. Đối với sinh viên

Sinh viên được khuyến khích chịu trách nhiệm nhiều hơn về việc học tập của mình bằng cách phát triển tính tự chủ và tự giác trong học tập. Do cơ hội sử dụng tiếng Anh trong môi trường địa phương còn hạn chế, sinh viên nên chủ động tìm kiếm các phương pháp thực hành thay thế. Những phương pháp này có thể bao gồm tham gia các câu lạc bộ nói tiếng Anh, tham gia các chương trình trao đổi ngôn ngữ trực tuyến hoặc giao tiếp với người nước ngoài thông qua mạng xã hội.

Nghe nhiều là điều cần thiết để cải thiện khả năng nói trôi chảy. Bằng cách thường xuyên nghe các nguồn tiếng Anh đích thực, chẳng hạn như podcast, phim và video trực tuyến, sinh viên có thể làm quen và luyện được nhiều hơn với cách phát âm, ngữ điệu và cấu trúc diễn ngôn tự nhiên. Ghi âm bài nói của chính mình và suy ngẫm về phần trình bày có thể giúp nâng cao nhận thức bản thân và cải thiện hơn nữa.

Ngoài ra, các bài tập nói không gây áp lực, chẳng hạn như đọc to và tự nói chuyện, có thể giúp sinh viên dần dần xây dựng sự tự tin. Bằng cách diễn đạt suy nghĩ và kể lại các hoạt động hàng ngày bằng tiếng Anh, sinh viên có thể cải thiện sự trôi chảy mà không sợ bị đánh giá kém.

6.3. Ý nghĩa đối với nhà quản lí giáo dục

Ở cấp độ trường học, ở đây là các trường đại học thì nên hỗ trợ nhiều hơn cho việc phát triển kĩ năng nói bằng cách tạo ra môi trường nói tiếng Anh trong khuôn viên trường. Điều này có thể bao gồm việc tổ chức các câu lạc bộ tiếng Anh, hội thảo và các hoạt động ngoại khoá khuyến khích giao tiếp không chính thức. Việc cung cấp quyền truy cập vào các nguồn tài liệu học ngôn ngữ và các nền tảng được hỗ trợ bởi công nghệ có thể tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho việc luyện nói của sinh viên.

7. Kết luận

Mục đích của bài viết này là tìm hiểu những vấn đề về kỹ năng nói tiếng Anh mà sinh viên năm thứ hai Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Hải Phòng gặp phải; qua đó có thể đưa ra một số giải pháp cho những vấn đề đó.

Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết sinh viên năm thứ hai Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Hải Phòng đều yếu về kỹ năng nói tiếng Anh, ngay cả khi đã học nhiều năm. Sinh viên đang phải đối mặt với các vấn đề: ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (thiếu tự tin, phát âm chưa chuẩn, vốn từ vựng hạn chế, v.v.) Một số đề xuất đã được đưa ra trên cơ sở từ phía sinh viên đến giảng viên, nhà trường... Tuy nhiên, việc áp dụng chúng một cách hiệu quả đòi hỏi sự nỗ lực và kiên nhẫn của cả giảng viên và sinh viên, bởi vì việc nói tiếng Anh tốt không phải là điều có thể đạt được trong thời gian ngắn. Thay vào đó, đây là một quá trình liên tục cần được hoàn thiện từng bước một.

Nghiên cứu này vẫn còn những hạn chế, do chỉ được thực hiện với một nhóm sinh viên tại một cơ sở đào tạo cụ thể là trường Đại học Hải Phòng, nên phạm vi khái quát hoá kết quả còn hạn chế. Trong tương lai, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng quy mô mẫu hoặc áp dụng các phương pháp nghiên cứu khác nhằm có cái nhìn toàn diện hơn về vấn đề này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anonym. (2013, February). *Aspects of speaking performance*. Retrieved from <http://blogspot.co.id/2013/02/aspects-of-speaking-performance.html>
2. Tran, Q. T., & Dang, T. N. N. (2019). *Four aspects of English speaking difficulties encountered by tertiary English-major students*. *Ho Chi Minh City Open University Journal of Science: Social Sciences*, 9(2), 53-64. <https://doi.org/10.46223/HCMCOUJS.soci.en.9.2.261.2019>
3. Le, H. M., & Phan, N. T. V. (2023). *Vietnamese EFL students' perceptions of difficulties in achieving English oral communicative competence*. *International Journal of Scientific Research and Management*, 11(5), 2769-2782. <https://doi.org/10.18535/ijism/v11i05.el02>
4. Bashir, M., Azeem, M., & Dogar, A. H. (2011). *Factors affecting students' English speaking skills*. *British Journal of Arts and Social Sciences*, 2(1), 34-50.
5. Brown, H. D. (1994). *Teaching by Principles: An Interactive Approach to Language Pedagogy*. Prentice Hall Regents.
6. Brown, H. D. (2000). *Principles of Language Learning and Teaching* (4th ed.). Pearson Education.
7. Brown, H. D. (2001). *Teaching by Principles: An Interactive Approach to Language Pedagogy* (2nd ed.). New York: Longman.
8. Brown, H. D. (2004). *Language Assessment: Principles and Classroom Practices*. New York: Pearson Education.
9. Burns, A., & Joyce, H. (1997). *Focus on Speaking*. Sydney, Australia: National Centre for English Language Teaching and Research.
10. Bygate, M. (1987). *Speaking*. Oxford: Oxford University Press.
11. Harmer, J. (2007). *The Practice of English Language Teaching* (4th ed.). Harlow: Pearson Longman.
12. Krashen, S. D. (1982). *Principles and Practice in Second Language Acquisition*. Oxford: Pergamon Press.
13. Nunan, D. (1992). *Research Methods in Language Learning*. Cambridge: Cambridge University Press.
14. Nunan, D. (1999). *Second Language Teaching and Learning*. Boston: Heinle & Heinle Publishers.
15. Richards, J. C., & Rodgers, T. S. (2001). *Approaches and Methods in Language Teaching* (2nd ed.). Cambridge: Cambridge University Press.
16. Riddell, D. (2001). *Teaching English as a Foreign/Second Language*. London: Hodder Education.
17. Rubin, J., & Thompson, I. (1994). *How to Be a More Successful Language Learner*. Boston: Heinle & Heinle Publishers.
18. Ur, P. (1996). *A Course in Language Teaching: Practice and Theory*. Cambridge: Cambridge University Press.